

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số: 35/2025/HS-ST
Ngày 16 tháng 4 năm 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Thành Công

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Ngọc Triển, ông Phan Duy Lục

Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Chín - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: ông Tạ Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2025/TLST - HS ngày 10 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị T, sinh ngày 25 tháng 4 năm 1988

Nơi cư trú: thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thành T1 và bà: Tạ Thị H; Có chồng là Lưu Văn S; có 03 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Thành T1, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1956

Nơi cư trú: thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 03/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N và bà: Trần Thị T2; Có vợ là Tạ Thị H; có 06 con, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1996.

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Đỗ Thị T3, sinh năm 1961, có mặt

Nơi cư trú: thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Đào Thị Khánh H1, Luật sư thuộc Công ty L, đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc. Địa chỉ: Số H T, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để thuận lợi trong canh tác, sản xuất nông nghiệp; đầu năm 2000, gia đình Nguyễn Thành T1, sinh năm 1956, trú tại thôn H, xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc có đổi 01 thửa ruộng với diện tích khoảng 190m² tại cánh đồng Hồ Ngải thuộc thôn H, xã K, huyện V lấy 01 thửa ruộng với diện tích khoảng 240m² tại cánh đồng Gò Xa thuộc thôn H, xã K của gia đình bà Đỗ Thị T3, sinh năm 1961, trú tại thôn H, xã K, huyện V. Sau khi đổi hai bên đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định. Đến tháng 11/2023, bà T3 muốn đổi lại 02 thửa ruộng này để sử dụng làm nghĩa trang gia đình, nhưng T1 không đồng ý vì đã cho con gái mình là Nguyễn Thị T, sinh năm 1988, trú tại thôn H, xã K thửa ruộng này khi T đi lấy chồng.

Ngày 03/02/2024, bà T3 gặp T1 để hỏi về việc đổi ruộng nhưng T1 không đồng ý và bảo gặp T để giải quyết thì bà T3 đến gặp T nói chuyện nhưng T không đồng ý đổi lại ruộng do mới cấy lúa xong, dẫn đến hai bên xảy ra mâu thuẫn, lời qua tiếng lại với nhau. Do bức tức về việc không đổi lại được thửa ruộng nên khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày bà T3 đi ra ruộng lúa mà T đã cấy và nhổ phần diện tích lúa khoảng 200m² bỏ lên bờ. Lúc này, anh Lưu Văn S, sinh năm 1983 ở thôn H, xã K (là chồng của T) biết việc nên gọi điện cho T ra gặp bà T3 giải quyết. Khi T đi ra ruộng lúa thì giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn, lời qua tiếng lại, cãi chửi lẫn nhau, bà T3 cầm mạ đánh vào người, mặt T, T nhặt đất ném trúng vào chân và người của bà T3 nhưng không gây thương tích gì. Do được mọi người can ngăn nên vợ chồng T đi về. Trên đường về T gọi điện thoại và kể cho T1 biết sự việc bà T3 nhổ lúa của mình đồng thời đi về nhà T1. Khi T về đến nhà T1, thấy người Tuyền bị bắt, lấm lem bùn đất nên T1 hỏi thì T có kể lại việc T có bị bà T3 đánh. Do bức tức về việc con gái bị bà T3 đánh, nên T1 sang nhà ông Đỗ Văn B, sinh năm 1967 ở cùng thôn lấy một đoạn gậy tre, dài khoảng 2,5m, đường kính khoảng 10cm (đây là loại tre đặc, cứng chắc dùng để làm chuôi xẻng, chuôi cuốc) rồi đi ra ruộng để đánh bà T3. Tuyền thấy vậy nhưng không can ngăn mà cũng đi theo T1 ra ruộng lúa. Đến nơi, T1 và bà T3 xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, T1 dùng đoạn gậy tre đánh một phát trúng vào mông bên phải của bà T3. Do bị đánh nên bà T3 giằng co với T1, bà T3 giằng được chiếc gậy và làm T1 ngã ra ruộng. Lúc này, thấy T1 và bà T3 giằng co với nhau T bênh T1 nên lao đến dùng tay dúi đầu bà T3 xuống ruộng rồi lấy chiếc gậy tre vụt một phát trúng khủy chân bên phải, một phát trúng vào mắt cá bên ngoài chân phải và vụt một phát trúng vào cánh tay trái của bà T3. Sau đó, T bỏ đoạn gậy tre xuống ruộng và đỡ T1 dậy, bà T3 lao vào đánh T thì Tân ngăn được, T1 bảo T “*đánh chết mẹ nó đi*”, nên T đã lấy chiếc dép tông của T1 (vừa làm rơi ra ruộng) tát 01 phát trúng vào mặt bà T3 rồi T1, T

ra về. Hậu quả bà T3 bị thương phải đi khám, điều trị tại Trung tâm y tế huyện V và Bệnh viện Đa khoa tỉnh V từ ngày 03/2/2024 đến ngày 08/2/2024.

Ngày 08/02/2024, bà Đỗ Thị T3 trình báo Công an xã K đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Công an xã K đã tiếp nhận, xác minh sơ bộ ban đầu, đến ngày 14/02/2024 đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan CSĐT Công an huyện V để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngay sau khi nhận được tin báo nêu trên, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã phối hợp cùng các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường và tổ chức các hoạt động kiểm tra, xác minh theo quy định pháp luật.

Ngày 20/02/2024, Nguyễn Thành T1 giao nộp: 01 đôi dép gồm 02 chiếc dép bên trái và bên phải, đã cũ, đã qua sử dụng, không có nhãn hiệu, loại dép tông, bằng cao su, màu vàng, mỗi chiếc dép có 02 quai dép được gắn vào đế dép tại 03 vị trí dùng để xỏ bàn chân, mỗi chiếc dép có cùng kích thước là dài 25cm, rộng 11cm, dài 1,2cm.

* Xác minh, giám định thương tích:

- Ngày 09/02/2024, Công an xã K tiến hành xác minh thương tích bà Đỗ Thị T3 tại Trung tâm y tế huyện T. Kết quả: Bà T3 đến khám lúc 17 giờ 43 phút ngày 03/2/2024, kết thúc khám lúc 18 giờ 13 phút ngày 03/02/2024. Chuẩn đoán tổn thương nông ở cẳng tay trái trên, gãy xương chân phải. Tiến hành chụp XQ có hình ảnh gãy 1/3 dưới 2 xương cẳng tay trái, còn phương tiện kết hợp xương, gãy đầu dưới xương mác cổ chân phải.

- Ngày 15/02/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 275 trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh V tiến hành giám định pháp y về thương tích đối với bà Đỗ Thị T3.

- Ngày 16/4/2024, Trung tâm pháp y tỉnh V có bản Kết luận giám định thương tích số 79/KLTTCT-PYVP, kết luận:

Các kết quả chính:

+ *Gãy đầu xương dưới mác phải xẹp: 05%*

+ *Gãy 1/3 xương dưới trụ tay trái có đường nứt liên tục (do gãy thứ phát) xẹp: 08%*

+ *Hiện tại: Các tổn thương đã mô tả trên đang điều trị, khi nào ổn định giám định bổ sung.*

+ *Cơ chế hình thành vết thương: Còn lại các thương tích đã mô tả trên có thể là do vật tày gây nên.*

Kết luận: Căn cứ thông tư số 22 ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đỗ Thị T3 tại thời điểm giám định là 13%.

Cơ quan điều tra đã thông báo các kết luận giám định trên cho bà Đỗ Thị T3, Nguyễn Thành T1, Đỗ Thị T4. Bà T3, T1, T4 đồng ý và không có ý kiến thắc mắc gì.

Ngày 09/5/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 881 trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh V tiến hành giám định bổ sung về thương tích đối với bà Đỗ Thị T3. Tuy nhiên, bà T3 có đơn xin từ chối giám định bổ sung với lý do bà T3 đồng ý với kết quả giám định thương tích, thấy không cần thiết phải giám định bổ sung. Đến nay sức khỏe đã bình phục, không còn ảnh hưởng nhiều từ thương tích này. Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra Quyết định dẫn giải số 882 dẫn giải bà T3 đến Trung tâm pháp y tỉnh V để giám định thương tích nhưng khi cơ quan điều tra thi hành quyết định dẫn giải thì bà T3 cương quyết từ chối dẫn giải. Do vậy, chỉ có căn cứ xác định tỷ lệ tổn hại sức khỏe của bà T3 trong vụ việc này là 13%. Cùng ngày, bà T3 có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T5 và Nguyễn Thị T.

*** Định giá tài sản:**

- Ngày 01/3/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ra Yêu cầu định giá tài sản số 752 yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V định giá: 200m² ruộng lúa được cấy lúa loại giống hai dòng, lúa đã cấy được 07 ngày và đang trong trạng thái phát triển bình thường.

- Ngày 06/5/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V có Bản kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐGTTHS, kết luận: *Tổng giá trị thiệt hại của tài sản là 900.000 đồng.*

Cơ quan điều tra đã thông báo các kết luận định giá trên cho bà Đỗ Thị T3, Nguyễn Thành T1, Đỗ Thị T4. Bà T3, T1, T4 đồng ý và không có ý kiến thắc mắc gì.

Đối với Bà T3 có hành vi nhỏ phần lúa có diện tích 200m² của Nguyễn Thị T gây thiệt hại tài sản có giá trị 900.000 đồng cho T. Quá trình điều tra xác định bà T3 không có tiền án, tiền sự về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản hoặc Hủy hoại tài sản. Vì vậy, hành vi của bà T3 không cấu thành tội Cố ý làm hư hỏng tài sản hoặc Hủy hoại tài sản quy định tại Điều 178 Bộ luật Hình sự. Ngày 20/01/2025 Công an huyện V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24 đối với bà Đỗ Thị T3 với mức phạt tiền 4.000.000đ là phù hợp, hiện bà T3 đã thực hiện việc nộp phạt.

*** Xử lý vật chứng:**

Đối với 01 đôi dép tông bằng cao su, đã cũ, qua sử dụng của Nguyễn Thành T1 do Nguyễn Thị T sử dụng để đánh gây thương tích cho bà Đỗ Thị T3 khi xảy ra sự việc, không còn giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc gậy tre hình trụ tròn, dài khoảng 2,5m, đường kính khoảng 05cm mà T1 sử dụng là vật chứng của vụ án, sau khi sự việc xảy ra T1 đã sử dụng đoạn gậy tre này làm củ nấu nên không còn để giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công

an huyện V. Ngày 17/02/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện V có thông báo số 217 về việc truy tìm vật chứng đối với chiếc gậy tre nêu trên nhưng không xác định được chiếc gậy tre nêu trên đang ở đâu, do ai quản lý.

* Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bà Đỗ Thị T3 yêu cầu Nguyễn Thành T1 và Nguyễn Thị T phải liên đới bồi thường các khoản sau: Bồi thường chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, điều trị, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất 16.418.325 đồng; thu nhập thực tế bị mất, giảm sút 14.560.000 đồng; chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc: 9.640.000 đồng; tổn thất về tinh thần 9.000.000 đồng. Tổng thiệt hại bà Đỗ Thị T3 yêu cầu bồi thường là 49.618.325.

Tại phiên tòa, bà T3 và các bị cáo thỏa thuận:

Bà T3 không phải bồi thường khoản tiền 900.000 đồng do việc bà đã nhờ Lúa của bị cáo T; các bên không đề nghị giải quyết trong vụ án.

Bị cáo T và bị cáo T1 phải bồi thường cho bà T3 số tiền 40.000.000 đồng. Trong đó, 20.000.000 đồng đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường (T1 là 8.000.000 đồng, T là 12.000.000 đồng); tại phiên Tòa, T đã trực tiếp bồi thường cho bà T3 số tiền 20.000.000 đồng.

Bà T3 đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T1, T.

Tại bản cáo trạng số: 27/CT-VKSVT ngày 08 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường truy tố Nguyễn Thị T, Nguyễn Thành T1 về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thành T1 phạm tội “*cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng: điểm đ khoản 1 Điều 134; Điều 47; Điều 38; Điều 17; Điều 58 điểm b, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Đề nghị xử phạt:

Nguyễn Thị T từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyễn Thành T1 từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về bồi thường thiệt hại: Xác nhận các bên đã bồi thường xong.

Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Đỗ thị T3 là luật sư Đào Thị Khánh H1 ***phát biểu quan điểm:***

- Đồng ý với tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo T1 và T.

- Tại phiên tòa, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; đã xin lỗi bị hại; đã bồi thường đủ cho bị hại; bị hại là bà T3 cũng đã nhận lời xin lỗi, nhận tiền bồi thường và đề nghị miễn giảm hình phạt cho các bị cáo.

Do vậy, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng về cơ bản đã tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

2. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị T, Nguyễn Thành T1 khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo thừa nhận do nóng giận, bực tức vì việc bà Đỗ Thị T3 đã có hành vi nhổ Lúa của gia đình nên đã cùng nhau đã dùng gậy bằng Tre, đánh, gây thương tích cho bà T3 với tỷ lệ thương tích là 13% như nội dung bản cáo trạng đã nêu và không có lời bào chữa nào khác.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của chính các bị cáo, bị hại, người làm chứng, tang vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ kết luận Nguyễn Thị T, Nguyễn Thành T1 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng ... hung khí nguy hiểm...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”.

3. Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi

phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy, phải đưa ra xử lý và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng: sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả; nguyên nhân để xảy ra tội phạm có một phần lỗi của bị hại; bị cáo T1 đã lớn tuổi, bị bệnh nặng; bị hại đã có yêu cầu miễn giảm hình phạt cho các bị cáo. Nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Sự việc phạm tội giản đơn, xuất phát từ mâu thuẫn trong việc sử dụng đất; bị hại là bà T3 đã đổi đất ruộng nhiều năm, việc đổi đất đã hoàn thành, khi gia đình bị cáo T sử dụng đất thì lại cản trở, có hành vi nhổ lúa, gây thiệt hại về tài sản cho bị cáo, là nguyên nhân khởi đầu, dẫn đến việc phạm tội.

Bị cáo Tân tuổi cao, bị bệnh nặng; các bị cáo T1, T có nơi cư trú rõ ràng, đã tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi của mình. Để tạo điều kiện cho các bên tiếp tục hòa thuận chung sống với nhau, cũng là tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình. Chỉ cần phạt các bị cáo một mức án tù nhất định nhưng cho hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

4. Đối với Bà T3 có hành vi nhổ phân lúa có diện tích 200m² của Nguyễn Thị T gây thiệt hại tài sản có giá trị 900.000 đồng cho T. Quá trình điều tra xác định bà T3 không có tiền án, tiền sự về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản hoặc Hủy hoại tài sản. Vì vậy, hành vi của bà T3 không cấu thành tội Cố ý làm hư hỏng tài sản hoặc Hủy hoại tài sản quy định tại Điều 178 Bộ luật Hình sự. Ngày 20/01/2025 Công an huyện V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24 đối với bà Đỗ Thị T3 với mức phạt tiền 4.000.000đ là phù hợp, hiện bà T3 đã thực hiện việc nộp phạt.

5. Xử lý vật chứng:

Đối với 01 đôi dép tông bằng cao su, đã cũ, qua sử dụng của Nguyễn Thành T1 do Nguyễn Thị T sử dụng để đánh gây thương tích cho bà Đỗ Thị T3 khi xảy ra sự việc, không còn giá trị sử dụng đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc gậy tre hình trụ tròn, dài khoảng 2,5m, đường kính khoảng 05cm mà T1 sử dụng là vật chứng của vụ án, sau khi sự việc xảy ra T1 đã sử dụng đoạn gậy tre này làm củi nấu nên không còn để giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện V. Ngày 17/02/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện V có thông báo số 217 về việc truy tìm vật chứng đối với chiếc gậy tre nêu trên nhưng không xác định được chiếc gậy tre nêu trên đang ở đâu, do ai quản lý.

6. Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bà T3 và các bị cáo T, T1 thỏa thuận:

Bà T3 không phải bồi thường khoản tiền 900.000 đồng do việc bà đã nhờ Lúa của bị cáo T; các bên không đề nghị giải quyết trong vụ án nên HĐXX không xem xét.

Bị cáo T và bị cáo T1 phải bồi thường cho bà T3 số tiền 40.000.000 đồng. Trong đó, 20.000.000 đồng đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường (T1 là 8.000.000 đồng, T là 12.000.000 đồng); tại phiên Tòa, T đã trực tiếp bồi thường cho bà T3 số tiền 20.000.000 đồng. Việc các bên thỏa thuận về bồi thường là phù hợp với thiệt hại xảy ra, tự nguyện, không trái pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Cần xác nhận các bên đã bồi thường đủ cho nhau, tuyên trả cho bà T3 khoản tiền 20.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

7. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành T1 và Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Nguyễn Thành T1 và Nguyễn Thị T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b, s khoản 1 + khoản 2 Điều 51; Điều 47; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự. Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

3. Xử phạt: Nguyễn Thị T 02 năm 03 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Nguyễn Thành T1 02 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Thành T1 và Nguyễn Thị T cho UBND xã K, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87, Điều 93 Luật thi hành án hình sự, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Trả cho bà Đỗ Thị T3 20.000.000đ do bị cáo Nguyễn Thành T1 và Nguyễn Thị T nộp tại các phiếu thu số 0002678 ngày 02/4/2025 (Tuyên nộp 12.000.000đ) và 0002679 ngày 02/4/2025 (Tân nộp 8.000.000đ) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

Xác nhận Nguyễn Thị T đã bồi thường tiếp cho bà Đỗ Thị T3 20.000.000 đồng tại phiên tòa sơ thẩm.

Xác nhận Nguyễn Thị T, Nguyễn Thành T1 đã bồi thường đủ thiệt hại cho bà Đỗ Thị T3.

5. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi dép tông bằng cao su, đã cũ, qua sử dụng. (Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận giữa Cơ quan điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc)

6. Án phí: Bị cáo Nguyễn Thành T1 phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

7. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã Kim Xá, Vĩnh Tường;
- Bị cáo, Bị hại;
- Luật sư Hòa;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thành Công